TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **266**/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 355/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1994.

- *Bị đơn*: Anh **Lê Văn C,** sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trần Thị L** và anh **Lê Văn C.**

(Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2014, quyển số 01/2014, ngày 04 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lê Tường V, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 15/12/2017 cho anh Lê Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Trần Thị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lê Văn C và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001532041, ngày 24/7/2024 của Công ty cổ phần T1 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001450 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Trần Thị L số tiền chênh lệnh là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lê Văn C không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS SD;
- UBND xã T, huyện H. (Nơi ĐKKH);
- UBND xã P.;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến